

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tân

2. Ông Thạch Na Rét

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Neáng C, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Kim N, sinh năm 1999; địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn chị Neáng C trình bày:

Vào năm 2010, chị Neáng C và anh Kim N tự nguyện kết hôn, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 17-02-2020. Sau khi kết hôn, chị Neáng C và anh Kim N sống chung hạnh phúc một thời gian thì giữa chị Neáng C và anh Kim N phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Neáng C và anh Kim N không còn sống chung từ năm 2021 đến nay.

Trong thời gian sống chung, chị Neáng C và anh Kim N có 01 (một) con chung tên Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020, hiện tại đang sống cùng anh Kim N. Về tài sản chung tự thỏa thuận, về nợ chung không có.

Chị Neáng C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Neáng C được ly hôn với anh Kim N.
- Về con chung: Chị Neáng C yêu cầu được nuôi con chung tên Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị Neáng C không yêu cầu anh Kim N cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Kim N*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Kim N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không đến Tòa án làm việc và tham gia hòa giải nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Neáng C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung, cụ thể: Chị Neáng C yêu cầu giao con chung tên Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020 cho anh Kim N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Chị Neáng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn anh Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên chị Neáng C được ly hôn với anh Kim N; về con chung giao cháu Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020 cho anh Kim N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; chị Neáng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị Neáng C phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Neáng C khởi kiện anh Kim N để yêu cầu ly hôn và giao con chung cho anh Kim N nuôi dưỡng nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Neáng C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Kim N đã được Tòa án triệu

tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Neáng C và anh Kim N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*. Như vậy, chị Neáng C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Kim N theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Neáng C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Neáng C trình bày sau khi kết hôn, chị Neáng C và anh Kim N sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị Neáng C và anh Kim N phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị Neáng C và anh Kim N không còn sống chung. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Neáng C và anh Kim N để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh Kim N không đến tham dự phiên hòa giải, chị Neáng C giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Neáng C và anh Kim N đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Neáng C là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, chị Neáng C và anh Kim N có một con chung tên Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020, hiện tại đang sống cùng anh Kim N. Khi ly hôn, chị Neáng C yêu cầu giao con chung cho anh Kim N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi. Theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Neáng C và anh Kim N không có thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nhưng chị Neáng C tự nguyện giao anh Kim N tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 24-4-2024, bà Kim Thị K là mẹ ruột của anh Kim N xác định cháu Kim R Đy từ nhỏ sống cùng anh Kim N và bà K, luôn bảo đảm các quyền lợi về mọi mặt. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Neáng C giao cháu Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020 cho anh Kim N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi, chị Neáng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng, theo khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*". Xét thấy, kể từ khi chị Neáng C và anh Kim N không còn sống chung với nhau, cháu Kim R Đy sống cùng với anh Kim N vẫn bảo đảm các quyền lợi về mọi mặt. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Kim N cũng không có văn bản yêu cầu chị Neáng C cấp dưỡng nuôi con chung. Từ đó, có cơ sở cho rằng anh Kim N có đầy đủ các điều kiện kinh tế chăm sóc, nuôi dưỡng và bảo đảm các quyền lợi về mọi mặt của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định chị Neáng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Neáng C và anh Kim N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị Neáng C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Neáng C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Neáng C được ly hôn với anh Kim N.

2. Về con chung: Giao cho anh Kim N tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Kim Ra Đ, sinh ngày 12-6-2020 cho đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi.

Chị Neáng C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Neáng C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Neáng C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003819 ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Chị Neáng C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã C, huyện T, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)**